

Bản án số 241/2025/HC-PT

Ngày 06/11/2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Chu Thành Quang;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 416/2025/TLPT-HC ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 35/2025/HC-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4641/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn H, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là thôn H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa); có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Ngọc B, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A LK B, khóm F, phường A, tỉnh Cà Mau (trước đây là số 11 LK 28, khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau); có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung T1 - chức vụ: Chủ tịch; có đơn đề nghị vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung T1 - chức vụ: Chủ tịch; có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bà Lê Thị Hoài T2, sinh năm 1976; địa chỉ: Số G L, phường H, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là số G L, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa); có đơn xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị P - Trưởng phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 09/8/2024, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 09/8/2024, Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, người khởi kiện ông Hoàng Đình T trình bày:*

Ngày 05/7/2023 tôi trích lục bản sao giấy kết hôn số: 570/TLKH-BS do UBND xã T thì có thông tin số lưu hộ tịch giấy kết hôn số 13 ký ngày 09/7/1995 do Ủy ban nhân dân xã T huyện T tỉnh Thanh Hóa đăng ký có thông tin người vợ Lê Thị T2 sai sót theo giấy tờ nhân thân cha, mẹ, con là khai sinh ba con chung: Lê Thị Hoài T2 đã được cập nhật dữ liệu hộ tịch điện tử đăng ký khai sinh ba con chung và mối quan hệ nhân thân mẹ - con, chứng minh nhân dân cấp ngày 23/3/1993; khai sinh gốc Lê Thị Hoài T2 và dữ liệu hộ tịch điện tử đăng ký khai sinh, dữ liệu dân cư quốc gia. Tôi thực hiện thủ tục hành chính cải chính hộ tịch tại UBND huyện T qua Dịch Vụ Công huyện T. Căn cứ theo Quyết định số 3212/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh T công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện, xã tại mã thủ tục cải chính hộ tịch: 20007.48000.000H56 cải chính trích lục kết hôn số 570/TLKH-BS ngày 05/7/2023 từ sổ lưu hộ tịch đăng ký kết hôn số 13 quyền số 01 ngày 09/7/1995 do xã T ghi chép, lưu trữ có thông tin người vợ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2 theo giấy tờ nhân thân cha, mẹ, con (khai sinh bản sao) Phòng Tư Pháp, UBND huyện T không trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cải chính hộ tịch là giấy trích lục kết hôn từ sổ hộ tịch kết hôn số 13 quyền số 01 ký ngày 09/7/1995 : Hoàng Đình T- Lê Thị T2 do xã T ghi chép, lưu trữ có thông tin người vợ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2 theo giấy tờ khai sinh gốc dữ liệu hộ tịch điện tử, dữ liệu dân cư quốc gia tên: Lê Thị Hoài T2; giấy tờ nhân thân: mẹ, con trong khai sinh ba con chung: Lê Thị Hoài T2. Phòng Tư Pháp huyện Triệu Sơn tiếp nhận, hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục hành chính theo thủ tục hộ tịch khác: thay đổi hộ tịch là giấy khai sinh, mà dữ liệu điện tử hộ tịch đăng ký khai sinh đã đúng tên Lê Thị Hoài T2. Do bà Lê Thị Hoài T2 có đơn bảo mật thông tin, đề nghị không cải chính hộ tịch giấy kết hôn để bà T2

đề nghị cấp, sử dụng đồng thời giấy hộ tịch khác trái pháp luật trong công chứng. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân chưa kết hôn với ai. Ba lần tôi thực hiện thủ tục hành chính công Dịch Vụ Công huyện T4 và hai lần đối thoại tiếp công dân với chủ tịch UBND huyện T; 01 lần gửi đơn tố cáo về việc cải chính hộ tịch giấy trích lục kết hôn (Công văn 71; Công văn 39; Công văn 60; Công văn 3491 hướng dẫn thủ tục Thay đổi hộ tịch, bổ sung Hộ tịch...theo Luật Dân sự: yêu cầu tôi phải có văn bản uỷ quyền của Lê Thị Hoài T2; phải có văn bản đồng ý của Lê Thị Hoài T2; phải có khai sinh, bằng cấp 2 của Lê Thị Hoài T2 được chứng thực bản sao... Bên cạnh đó sự kiện hộ tịch trên đã được cập nhật trên dữ liệu Hộ tịch Bộ Tư pháp ngày 05/7/2023, dữ liệu hộ tịch điện tử khai sinh, dữ liệu dân cư, dữ liệu về hộ tịch điện tử đăng ký khai sinh ba con chung có mối quan hệ mẹ, con: đều chính xác Lê Thị Hoài T2. Bản chất: Tôi và Lê Thị Hoài T2 kết hôn năm 1995, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo số 13/1995. Quyền số 01. Ký ngày 09/7/1995(Kèm trích lục kết hôn) bản chính Giấy kết hôn đúng thông tin: chồng Hoàng Đình T; vợ Lê Thị Hoài T2 đã được sử dụng đăng ký khai sinh 03 con chung: sinh năm 1999; 2000; 2006; 03 giấy khai sinh con chung có đủ và đúng thông tin tên bố Hoàng Đình T – tên mẹ là: Lê Thị Hoài T2 (đăng ký khai sinh năm 1999 áp dụng khoản 1 Điều 19 Nghị Định 83/1998 ngày 10/10/1998, xuất trình và nộp giấy kết hôn khi đăng ký khai sinh trẻ có tên cha và mẹ); Quê quán lấy theo bố (Hoàng Ngọc K đăng ký khai sinh tại phường L quận Đ TP Hà Nội, người đi khai sinh là Lê Thị Hoài T2 có quê quán ghi theo bố: xã T huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Hoàng Mai A và H đăng ký khai sinh tại UBND phường T có quê quán ghi theo bố là xã T, Thanh Hóa (kèm hộ khẩu Hoàng Đình T; Công văn 853). Người đi đăng ký khai sinh cho Hoàng Mai A là Hoàng Đình T; Người đi đăng ký khai sinh cho Hoàng A1 là bà Lê Thị Hoài T2 (kèm 3 khai sinh); không có Quyết định nhận cha con; Giấy CNQSDĐ tại nhà số I P phường T và số E C phường T TP T Tên Chồng là Hoàng Đình T, tên vợ là Lê Thị Hoài T2 (kèm giấy CNQSDĐ); các hợp đồng mua bán nhà đất ghi chồng: Hoàng Đình T; vợ Lê Thị Hoài T2 (kèm hợp đồng); nhưng do lý do cá nhân bà T2 cố ý gian dối nên bà Lê Thị Hoài T2 chiếm giữ bản gốc Giấy Đăng ký kết hôn và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm đơn bảo mật thông tin; ngăn chặn cải chính hộ tịch sổ kết hôn; cung cấp thông tin sai sự thật 12 lần để đề nghị cấp và sử dụng Giấy hộ tịch trái pháp luật để Công chứng tài sản riêng 09 quyền sử dụng đất “ Giấy Xác nhận tình trạng hôn nhân chưa kết hôn với ai, khi chưa có Quyết định Toà án về hôn nhân, con chung, tài sản chung đối với Lê Thị Hoài T2” đã bị thu hồi theo Quyết định 4463/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện T. UBND huyện T cố ý không cải chính chính hộ tịch sổ kết hôn do ghi chép trong sổ hộ tịch giấy kết hôn sai sót so với giấy khai sinh gốc. Sổ hộ tịch Giấy Kết Hôn ghi sai thông tin thuộc quyền quản lý nhà nước của cơ quan huyện T, do cán bộ Tư P1 thuộc quản lý huyện T ghi chép nhưng đương sự liên quan sự kiện hộ tịch kết hôn: Lê Thị Hoài T2 quê quán T5 đang cung cấp, sử dụng thông tin hộ tịch sai sự thật liên quan đến sự kiện hộ tịch kết hôn, nhân thân đồng thời điểm đang kết hôn có con

chung và chưa kết hôn, có đơn ngăn chặn cải chính sổ hộ tịch giấy kết hôn để sử dụng giấy hộ tịch trái pháp luật khác do cán bộ cơ quan thuộc quản lý huyện T cấp trái pháp luật. Từ đó UBND huyện T hướng dẫn thủ tục cải chính hộ tịch sổ kết hôn số 13 ký ngày 09/7/1995 theo hướng thay đổi hộ tịch Giấy Khai Sinh Lê Thị Hoài T2 theo Luật Dân sự. “lưu ý khai sinh là giấy tờ gốc, đã đúng thông tin Lê Thị Hoài T2”.

Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết như sau:

1. Hủy một phần Công văn 3491/UBND-TTr ngày 06/8/2024 của UBND huyện T v/v trả lời nội dung đơn của ông Hoàng Đình T, phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Hủy mục 2.2 mục 2. Kết quả giải quyết của Công văn 3491. Hủy đoạn: “Đối với nội dung: Đề nghị thực hiện cải chính thông tin hộ tịch của người vợ trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01 ngày 09/7/1995 từ Lê Thị T Thành L do phòng Tư Pháp huyện Triệu Sơn đã không tiếp nhận và giải quyết yêu cầu của công dân Hoàng Đình T; Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện T không thực hiện Việc cải chính thông tin hộ tịch của người vợ trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01 ngày 09/7/1995 từ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2”.

2. Buộc UBND huyện T thực hiện cải chính thông tin hộ tịch trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01, ngày 09/7/1995 từ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2.

** Công văn số 4813 ngày 24/10/2024 của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T:*

Sau khi nghiên cứu nội dung văn bản của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, UBND huyện T phúc đáp như sau: Ngày 15/4/2024 tại buổi tiếp công dân của Chủ tịch UBND huyện, ông Hoàng Đình T đã đến và phản ánh, kiến nghị 03 nội dung, trong đó có nội dung đề nghị thực hiện cải chính thông tin hộ tịch của người vợ trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn (số 13, quyền số 01, ngày 09/7/1995) từ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2. Ngày 08/5/2024, phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn đã ban hành Văn bản số 60/TP-HT trả lời đơn của ông Hoàng Đình T theo nội dung phản ánh kiến nghị tại buổi tiếp công dân ngày 15/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện. Ngày 06/8/2024, UBND huyện T đã có Văn bản số 3491/UBND TTr trả lời ông Hoàng Đình T, theo đó: Phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn đã không tiếp nhận và giải quyết yêu cầu của ông Hoàng Đình T đề nghị thực hiện cải chính thông tin hộ tịch của người vợ trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn (số 13, quyền số 01, ngày 09/7/1995) từ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2 là phù hợp và đúng quy định.

Từ cơ sở trên, UBND huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa tuyên giữ nguyên nội dung tại tiểu mục 2.2, Mục 2, Văn bản số 3491/UBND-TTr ngày 06/8/2024 của UBND huyện T về việc trả lời nội dung đơn của ông Hoàng Đình T, phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại Công văn Số: 896 /UBND-TT ngày 18/3/2025 của UBND huyện T: Sau khi nghiên cứu nội dung yêu cầu của Tòa án. UBND huyện đã chỉ đạo các phòng liên quan, UBND xã T tiến hành kiểm tra, xác minh, rà soát hồ sơ liên quan, trên cơ sở kết quả rà soát, xác minh, căn cứ quy định của pháp luật, UBND huyện trả lời một số nội dung như sau:

1. Đối với nội dung: Đề nghị cung cấp bản sao các hồ sơ lưu trữ, giấy tờ có liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa ông Hoàng Đình T và bà Lê Thị T2 được ghi tại sổ đăng ký kết hôn quyển số 01/1995, số 13 ngày 09/7/1995 đang được lưu trữ tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa: Theo kết quả xác minh, UBND xã T không còn lưu hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc đăng ký kết hôn của ông Hoàng Đình T, hiện tại chỉ còn lưu trữ sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/1995, trong đó:

+ Tại sổ thứ tự số 13 ngày 09/7/1995 có ghi chồng Hoàng Đình T, sinh tháng 10/1976; nghề nghiệp: xây dựng; nơi thường trú: N

+ Vợ Lê Thị T2, sinh tháng 06/1976; nghề nghiệp: Giáo viên; nơi thường trú: T.

+ Mục chữ ký của vợ, chồng không có chữ ký. (Có bản sao trang sổ lưu thông tin đăng ký kết hôn số 12 ngày 09/7/1995 gửi kèm).

2. Đối với nội dung: Đề nghị cung cấp tài liệu làm rõ, từ tháng 6/1976 đến ngày 09/7/1995 tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có công dân nào là Lê Thị T2, sinh tháng 6/1976, sinh sống trên địa bàn xã và là người có tên đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T vào ngày 09/7/1995 hay không? Quan hệ nhân thân của bà Lê Thị T ?

Qua phối hợp rà soát, tra cứu dữ liệu tại Công an xã T, hiện tại chỉ còn lưu sổ đăng ký quản lý nhân khẩu, hộ khẩu từ năm 2005 không thể hiện thông tin cư trú của công dân mang tên Lê Thị T sinh tháng 6/1976 và L sinh ngày 05/6/1976. Đồng thời, kiểm tra hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư: Không thể hiện thông tin cư trú của công dân Lê Thị T sinh tháng 6/1976 và công dân Lê Thị Hoài T2 sinh ngày 05/6/1976 trên địa bàn xã T. Qua xác minh, thời điểm năm 1995 chưa có cán bộ chuyên trách Tư pháp mà chỉ có bộ phận Công an xã theo dõi, tổng hợp; hiện tại không xác định được người tổng hợp và ghi sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn. UBND xã T không còn lưu trữ về hồ sơ, giấy tờ của các cá nhân đến đăng ký kết hôn, trong sổ đăng ký kết hôn không thể hiện thông tin giấy tờ tùy thân, không có chữ ký của ông Hoàng Đình T và bà Lê Thị T. Vì vậy, UBND huyện không có cơ sở để xác định được nhân thân của bà Lê Thị T2 theo yêu cầu của Tòa án.

3. Đối với nội dung: Đề nghị làm rõ Công dân Lê Thị T2, sinh tháng 6/1976, quê quán xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có tên trong đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T vào ngày 09/7/1995 lưu tại UBND xã T là ai?"

Do hồ sơ lưu trữ tại UBND xã T không còn và sổ đăng ký kết hôn đang lưu tại UBND xã T không thể hiện về nhân thân của bà Lê Thị T. Đồng thời, tra cứu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do công an xã T quản lý không có thông tin của công dân Lê Thị T. Vì vậy, UBND huyện T không có căn cứ, cơ sở để xác định công dân Lê Thị T2, người có tên trong sổ đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T là ai theo yêu cầu của Tòa án.

4. Đối với nội dung: Đề nghị làm rõ Công dân Lê Thị Hoài T2, sinh ngày 05/6/1976, quê quán xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và Lê Thị T, sinh tháng 6/1976, quê quán xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có tên trong đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T vào ngày 09/7/1995 lưu tại UBND xã T có phải là một người không?”. Qua kiểm tra, xác minh, làm việc với UBND xã T và Công an xã T, không tìm thấy hồ sơ, giấy tờ lưu về nhân thân của 02 công dân có tên trên. Đồng thời, trong sổ lưu cấp giấy chứng nhận kết hôn không có ghi thông tin giấy tờ tùy thân, không có chữ ký của bà Lê Thị Hoài T2. Do đó, UBND huyện T không có cơ sở để xác định bà Lê Thị T2 và Lê Thị Hoài T2 có phải là một người hay không?

5. Đối với nội dung: “Trong trường hợp không có công dân nào là Lê Thị T2, sinh tháng 6/1976, nghề nghiệp giáo viên đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T, được ghi tại sổ đăng ký kết hôn quyển số 01/1995, số 13 ngày 09/7/1995 đang được lưu trữ tại UBND xã T thì ý kiến của UBND huyện T về nội dung này như thế nào?”.

Do thời gian diễn ra sự việc từ năm 1995, qua kiểm tra, xác minh với UBND xã T, Công an xã T và các thành phần liên quan đều không biết về vụ việc, hồ sơ không còn lưu trữ, sổ lưu về đăng ký quản lý nhân khẩu, hộ khẩu chỉ còn lưu được từ năm 2005, cơ sở dữ liệu dân cư không có thông tin cư trú, trong sổ cấp chứng nhận kết hôn phần chữ ký của vợ, chồng không có chữ ký. Do đó không xác định được người đến đăng ký kết hôn là ai theo yêu cầu trả lời của Tòa án nhân dân tỉnh.

Căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu, kết quả kiểm tra, xác minh và căn cứ quy định pháp luật, UBND huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn tại Công văn 146/TP-TH ngày 17/10/2024*

Sau khi nghiên cứu công văn của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn có ý kiến như sau: Ngày 15/4/2024 tại buổi tiếp công dân của Chủ tịch UBND huyện, ông Hoàng Đình T đã đến và phản ánh, kiến nghị 03 nội dung, trong đó có nội dung đề nghị thực hiện cải chính thông tin hộ tịch của người vợ trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 09/7/1995 từ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2. Ngày 17/4/2024, UBND huyện đã có Thông báo số 149/TB-UBND ngày 17/4/2024 về tình hình tiếp công dân ngày

15/4/2024, theo đó: Giao phòng Tư pháp chủ trì phối hợp với UBND xã T và các đơn vị có liên quan, kiểm tra, xác minh và căn cứ các quy định của pháp luật, tham mưu văn bản trả lời ông Hoàng Đình T theo quy định. Ngày 08/5/2024, phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn đã ban hành Văn bản số 60/TP-HT trả lời đơn của ông Hoàng Đình T theo nội dung phản ánh, kiến nghị tại buổi tiếp công dân ngày 15/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện. Sau khi phòng Tư pháp có văn bản trả lời, ông Hoàng Đình T tiếp tục có đơn gửi đến Bí thư Huyện ủy và Chủ tịch UBND huyện. Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện, ngày 31/7/2024, Thanh tra huyện chủ trì phối hợp với phòng Tư pháp tổ chức làm việc với ông Hoàng Đình T để làm rõ và thống nhất nội dung đơn ông gửi đến Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện ngày 24/7/2024. Tại buổi làm việc, ông Hoàng Đình T thống nhất và đề nghị UBND huyện xem xét, giải quyết đối với 02 nội dung như sau:

1. Đề nghị thu hồi hủy bỏ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 19/2017/UBND-XNTTHN ngày 10/4/2017 do UBND xã T, huyện T đã cấp cho bà Lê Thị Hoài T2.

2. Đề nghị thực hiện cải chính thông tin hộ tịch của người Vợ trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn (số 13, quyển số 01, ngày 09/7/1995) từ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2. Căn cứ kết quả xác minh và kết quả làm việc với công dân, căn cứ các quy định của pháp luật, ngày 06/8/2024 UBND huyện T đã có Văn bản số 3491/UBND-TTr trả lời ông Hoàng Đình T, theo đó tại tiểu mục 2.2, mục 2 nêu rõ: Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 7, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định: Cải chính hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch là việc chỉnh sửa thông tin cá nhân trong Sổ hộ tịch hoặc trong bản chính giấy tờ hộ tịch và chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch. Quá trình tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại Bộ phận một cửa của UBND huyện, thể hiện ông Hoàng Đình T đã uỷ quyền và nộp TTHC trực tuyến, sau khi tiếp nhận hồ sơ phòng Tư pháp đều đã có các văn bản trả lời ông T về việc hồ sơ ông nộp không đủ điều kiện và cơ sở pháp lý để phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn tiếp nhận giải quyết thủ tục theo quy định. Mặt khác, trong thời gian qua phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn nhận được đơn đề nghị khẩn cấp của công dân Lê Thị Hoài T2 có nội dung tố cáo các đối tượng làm giả chữ ký của bà trong các văn bản uỷ quyền và bà T2 đã có đơn đề nghị “không thực hiện đính chính, cải chính hộ tịch, hồ sơ thông tin cá nhân liên quan đến đời sống riêng tư của bà Lê Thị Hoài T2 và các con của bà T2 khi chưa được sự đồng ý của bà T2 bằng văn bản và có liên hệ trực tiếp yêu cầu”. Do đó phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn đã không tiếp nhận và giải quyết yêu cầu của ông Hoàng Đình T là phù hợp và đúng quy định.

Từ cơ sở trên phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn có ý kiến như sau: Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá tuyên giữ nguyên nội dung tại tiểu mục 2.2, mục 2 của Văn bản số 3491/UBND-TTr ngày 06/8/2024 của UBND huyện T về việc

trả lời nội dung đơn của ông Hoàng Đình T, phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T tại Công văn 72/UBND-CV ngày 10/3/2025:*

Ngày 05/3/2025, UBND xã T nhận được công văn số 1488/CV-HC của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc cung cấp tài liệu và ý kiến đối vụ việc đang thụ lý giải quyết. Theo đó, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị U cung cấp một số tài liệu và có ý kiến đối với vụ việc khởi kiện hành chính mà người khởi kiện là ông Hoàng Đình T. Sau khi nghiên cứu nội dung yêu cầu của Tòa án. UBND xã T đã tiến hành thành lập tổ xác minh, rà soát hồ sơ liên quan, trên cơ sở kết quả rà soát, xác minh UBND xã T trả lời một số nội dung như sau:

1. Về yêu cầu cung cấp bản sao các hồ sơ lưu trữ, giấy tờ có liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa ông Hoàng Đình T và bà Lê Thị T2 được ghi tại sổ đăng ký kết hôn quyển số 01/1995, số 13 ngày 09/7/1995 đang được lưu trữ tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa: Theo kết quả xác minh, hiện nay tại UBND xã T không còn lưu hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc đăng ký kết hôn của ông Hoàng Đình T, hiện tại chỉ còn lưu trữ sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/1995:

+ Tại sổ thứ tự số 13 ngày 09/7/1995 có ghi chồng Hoàng Đình T, sinh tháng 10/1966; nghề nghiệp: xây dựng; nơi thường trú: N.

+ Vợ Lê Thị T2, sinh tháng 06/1976; nghề nghiệp: Giáo viên; nơi thường trú: T.

+ Mục chữ ký của vợ, chồng không có chữ ký. (Gửi kèm theo công văn này bản sao trang sổ có lưu thông tin đăng ký kết hôn số 13 ngày 09/7/1995).

2. Về yêu cầu cung cấp tài liệu làm rõ, từ tháng 6/1976 đến ngày 09/7/1995 tại xã T, T, tỉnh Thanh Hóa có công dân nào là Lê Thị T2, sinh tháng 6/1976, sinh sống trên địa bàn xã và là người có tên đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T vào ngày 09/7/1995 hay không? Quan hệ nhân thân của bà Lê Thị T ?

Qua phối hợp rà soát, tra cứu dữ liệu tại Công an xã T, hiện tại chỉ còn lưu sổ đăng ký quản lý nhân khẩu, hộ khẩu từ năm 2005 không thể hiện thông tin cư trú của công dân mang tên Lê Thị T sinh tháng 6/1976 và Lê Thị Hoài T2 sinh ngày 05/6/1976. Đồng thời, kiểm tra hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư: Không thể hiện thông tin cư trú của công dân Lê Thị T sinh tháng 6/1976 và công dân Lê Thị Hoài T2 sinh ngày 05/6/1976 trên địa bàn xã T. Qua xác minh, thời điểm năm 1995 chưa có cán bộ chuyên trách Tư pháp mà chỉ có bộ phận Công an xã theo dõi, tổng hợp; hiện tại không xác định được người tổng hợp và ghi sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn vì trên hồ sơ không có chữ ký của người tổng hợp. Đồng thời, không còn lưu trữ về hồ sơ, giấy tờ của các cá nhân đến đăng ký kết hôn, trong sổ đăng ký kết hôn không thể hiện thông tin giấy tờ tùy thân, không có chữ ký của

ông Hoàng Đình T và bà Lê Thị T. Vì vậy, UBND xã không có cơ sở để xác định được nhân thân của bà Lê Thị T2 theo yêu cầu của Tòa án.

3. Về yêu cầu trả lời “Công dân Lê Thị T2, sinh tháng 6/1976, quê quán xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có tên trong tên đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T vào ngày 09/7/1995 lưu tại UBND xã T là ai?” Do hồ sơ lưu trữ không còn và sổ đăng ký kết hôn đang lưu tại UBND xã T không thể hiện về nhân thân của bà Lê Thị T. Đồng thời, tra cứu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do công an xã T quản lý không có thông tin của công dân Lê Thị Hoài T2. Vì vậy, U không có căn cứ, cơ sở để xác định công dân Lê Thị T2, người có tên trong sổ đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T là ai theo yêu cầu của Tòa án.

4. Về yêu cầu trả lời: “Công dân Lê Thị Hoài T2, sinh ngày 05/6/1976, quê quán xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và Lê Thị T2, sinh tháng 6/1976, quê quán xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có tên trong tên đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T vào ngày 09/7/1995 lưu tại UBND xã T có phải là một người không?”.

Về nguyên tắc, việc xác định Công dân Lê Thị Hoài T2, sinh ngày 05/6/1976, quê quán xã T, T, tỉnh Thanh Hóa và Lê Thị T2, sinh tháng 6/1976, quê quán xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có tên trong tên đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T vào ngày 09/7/1995 lưu tại UBND xã T có phải là một người hay không phải dựa trên hồ sơ về nhân thân của 02 người. Tuy nhiên, qua quá trình xác minh làm việc với Công an xã T, UBND xã không tìm thấy hồ sơ, giấy tờ lưu về nhân thân của 02 công dân có tên trên. Đồng thời, trong sổ lưu cấp giấy chứng nhận kết hôn không có ghi thông tin giấy tờ tùy thân, không có chữ ký của bà Lê Thị T. Do đó, U không có cơ sở để xác định bà Lê Thị T2 và Lê Thị Hoài T2 có phải là một người hay không?

5. Về yêu cầu trả lời: “Trong trường hợp không có công dân nào là Lê Thị T2, sinh tháng 6/1976, nghề nghiệp giáo viên đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T, được ghi tại sổ đăng ký kết hôn quyển số 01/1995, số 13 ngày 09/7/1995 đang được lưu trữ tại UBND xã T thì ý kiến của U về nội dung này như thế nào?”.

Do thời gian sự kiện diễn ra từ năm 1995, các ý kiến của những người làm việc thời điểm đó đều không biết về vụ việc, hồ sơ không còn lưu trữ, sổ lưu về đăng ký quản lý nhân khẩu, hộ khẩu chỉ còn lưu được từ năm 2005, cơ sở dữ liệu dân cư không có thông tin cư trú, trong sổ cấp chứng nhận kết hôn phần chữ ký của vợ, chồng không có chữ ký, nên không xác định được người đến đăng ký kết hôn là ai theo yêu cầu trả lời của Tòa án nhân dân tỉnh.

Từ các tài liệu chứng cứ như trên, UBND xã đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hoài T2 trình bày:*

Tôi đã nhận được Thông báo của Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc Hoàng Đình T Nguyên đơn và Dương Thị Ngọc B nhận uỷ quyền khiếu kiện Quyết định hành chính của UBND huyện T.

Kính thưa quý Tòa! Tôi tên là Lê Thị Hoài T2. Bằng cấp học hành, giấy tờ tùy thân hợp pháp của tôi đều mang tên họ như vậy. Tôi chưa từng đăng ký kết hôn với ai, hiện sống độc thân. Tôi không có nhu cầu thay đổi cải chính tên, họ của mình và cũng không có uỷ quyền cho ai đi cải chính thông tin cá nhân của tôi. UBND huyện T từ chối tiếp nhận, từ chối giải quyết yêu cầu của Dương Thị Ngọc B, Hoàng Đình T xin cải chính hộ tịch không phải của họ là đúng pháp luật. UBND huyện T đã làm tốt chức trách của mình, không xâm hại tới quyền và lợi ích chính đáng của tôi nên tôi đồng ý với các quyết định hành chính đó.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2025/HC-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Khoản 1 Điều 206; Khoản 3 Điều 345; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 17, 18 Luật Khiếu nại 2011; khoản 8 Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015; Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 hướng dẫn một số điều của Luật Hộ tịch; Khoản 1 Điều 17 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đình T về nội dung huỷ Công văn số 3491/UBND-TTr ngày 06/8/2024 của UBND huyện T do vi phạm thẩm quyền ký Văn bản.

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đình T về nội dung: Buộc UBND huyện T thực hiện cải chính thông tin hộ tịch trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 09/7/1995 từ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/4/2025, người khởi kiện ông Hoàng Đình T3 có đơn kháng cáo **một phần** bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông Hoàng Đình T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện và bà Dương Thị Ngọc B Trình bày: Chúng tôi kháng cáo bản án sơ thẩm về việc không đồng ý cải chính hộ tịch từ trong sổ lưu hộ tịch Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2 theo đúng giấy tờ nhân thân. Cải chính hộ tịch là cải chính sổ lưu hộ tịch hoặc giấy đăng ký kết hôn, giấy chính đăng ký kết hôn đương

nhiên đã là giấy đúng, được sử dụng tại cơ quan chức năng, không cần phải bàn cãi. Ở đây cần thiết cải chính là cải chính sổ lưu hộ tịch ghi sai sót là Lê Thị T2, không đúng với thông tin của người vợ là Lê Thị Hoài T2. Cải chính hộ tịch phải đảm bảo điều kiện cần và đủ, điều kiện cần là cải chính hộ tịch khi phát hiện sai sót chứ không phải nhằm đính chính hoặc hợp thức hóa giấy tờ, một là do quá trình của công dân tự khai, hai là sai sót do cán bộ, bất kể người nào được giao nhiệm vụ ghi chép sai sót. Tuy nhiên vấn đề sai sót do công dân thì không có, mà sai sót ở đây có cơ sở khẳng định sai sót là do cán bộ ghi chép không đúng quy định trong sổ ghi hộ tịch Lê Thị T. Bởi tại công văn của Ủy ban nhân dân huyện T và công văn của xã T trong hồ sơ vụ án khẳng định là trên địa bàn xã T, không có công dân thông tin tên Lê Thị T2 tại trước thời điểm đăng ký kết hôn là ngày 09/7/1995, trong thời điểm đăng ký kết hôn và sau thời điểm đăng ký kết hôn cho đến nay, trên địa bàn xã T, huyện T không có bất kỳ một thông tin công dân nào tên Lê Thị T2 kết hôn với Hoàng Đình T, không có thông tin của công dân Lê Thị T2 nào khác nữa, chỉ có duy nhất 1 thông tin là Lê Thị Hoài T2 trên địa bàn xã T. Lí do căn cứ vào công văn số 177 của Công an tỉnh T phòng cảnh sát quản lý hành chính xác định là căn cước công dân của bà Lê Thị Hoài T2 cấp lần thứ 1, số 171817360 cấp năm 23/3/1993 là ở tại xã T; cấp lần 2, công dân Lê Thị Hoài T2, sinh năm 1976, số CMND 171817360 ngày 08/3/2011 tại 9b/13 P, phường T, tỉnh Thanh Hóa. CCCD cấp lần thứ 3, số 038176031494 cấp năm 2021 có quê quán là xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và nơi thường trú là 55 C, phường T, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy là có cơ sở công dân Lê Thị Hoài T2 có quê quán T, T, tỉnh Thanh Hóa và hiện tại ở số E C, tỉnh Thanh Hóa. Công dân Lê Thị T G trong sổ hộ tịch là một người kết hôn với ông Hoàng Đình T.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Đình T3; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền khởi kiện, đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu giải quyết vụ án theo khoản 1 Điều 115; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 2, 4 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện việc triệu tập đối với các đương sự, Ủy ban nhân dân xã T và bà Lê Thị Hoài T2 vắng mặt nhưng đã có văn bản xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P vắng mặt không có lý do, có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đình T:

[2.1] Xét yêu cầu huỷ một phần Công văn số 3491/UBND-TTr ngày 06/8/2024 của UBND huyện T về việc trả lời đơn của ông Hoàng Đình T (công văn do Phó Chánh Văn phòng UBND huyện T ký):

Ông Hoàng Đình T tố cáo bà Lê Thị P, Trưởng phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn thông đồng với bà Lê Thị Hoài T2 thành viên Đoàn luật sư tỉnh T cấp giấy hộ tịch trái pháp luật dù thanh tra sai phạm, tham mưu Chủ tịch UBND huyện không thu hồi, giúp sức chiếm đoạt tài sản 40 tỷ, cản trở thực hiện đăng ký hộ tịch, cản trở nghĩa vụ cải chính hộ tịch giấy kết hôn nhằm mục đích trục lợi.

Ngày 31/7/2024, Thanh tra huyện chủ trì phối hợp với phòng Tư pháp tổ chức làm việc với ông Hoàng Đình T để làm rõ và thống nhất nội dung đơn ông gửi đến Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện ngày 24/7/2024. Qua làm việc, ông Hoàng Đình T thống nhất và đề nghị UBND huyện xem xét, giải quyết đối với 02 nội dung như sau:

1. *Đề nghị thu hồi hủy bỏ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 19/2017/UBND-XNTTHN ngày 10/4/2017 do UBND xã T, huyện T đã cấp cho bà Lê Thị Hoài T2.*

2. *Đề nghị thực hiện cải chính thông tin hộ tịch của người vợ trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 09/7/1995 từ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2.*

Kết quả giải quyết:

- Đối với nội dung: *Đề nghị thu hồi hủy bỏ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 19/2017/UBND-XNTTHN ngày 10/4/2017 do UBND xã T đã cấp cho bà Lê Thị Hoài T2.*

Ngày 31/7/2024, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 4463/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 19/2017/UBND-XNTTHN ngày 10/4/2017 Go UBND xã U đã cấp cho công dân Lê Thị Hoài T2, theo đó: *Tại Điều 2 của Quyết định ghi “Giao UBND xã T triển khai thực hiện thu hồi, hủy bỏ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Lê Thị Hoài T2 đồng thời ghi chú nội dung về việc thu hồi hủy bỏ trong sổ cấp Giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã đang lưu trữ”.*

- Đối với nội dung: *Đề nghị thực hiện cải chính thông tin hộ tịch của người vợ trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 09/7/1995 từ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2.*

Căn cứ Điều 46 Luật Hộ tịch thì thẩm quyền cải chính hộ tịch cho người Việt Nam từ 14 tuổi trở lên thuộc UBND cấp huyện, căn cứ quy định tại Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch quy định:

1. Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Luật Hộ tịch phải có sự đồng ý của cha, mẹ người đó và được thể hiện rõ trong Tờ khai; đối với người từ đủ 9 tuổi trở lên thì còn phải có sự đồng ý của người đó.

2. Cải chính hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch là việc chỉnh sửa thông tin cá nhân trong Sổ hộ tịch hoặc trong bản chính giấy tờ hộ tịch và chỉ được thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch.

Ngày 08/5/2024, phòng Tư pháp đã có Văn bản số 60/TP-HT về việc trả lời ông Hoàng Đình T, theo đó: Qua nhiều lần ông Hoàng Đình T nộp hồ sơ, phòng Tư pháp đều đã có các văn bản trả lời ông T về việc hồ sơ ông nộp không đủ điều kiện và cơ sở pháp lý để phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn tiếp nhận giải quyết thủ tục theo quy định. Mặt khác, trong thời gian qua phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn nhận được đơn đề nghị khẩn cấp của công dân Lê Thị Hoài T2 có nội dung tố cáo các đối tượng làm giả chữ ký của bà trong các văn bản ủy quyền và bà T2 đã có đơn đề nghị *“không thực hiện đính chính, cải chính hộ tịch, hồ sơ thông tin cá nhân liên quan đến đời sống riêng tư của bà Lê Thị Hoài T2 và các con của bà T2 khi chưa được sự đồng ý của bà T2 bằng văn bản và có liên hệ trực tiếp yêu cầu”*. Do đó phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn đã không tiếp nhận và giải quyết yêu cầu của ông Hoàng Đình T là phù hợp và đúng quy định.

Sau khi nhận được đơn tố cáo của ông Hoàng Đình T ngày 24/7/2024, Chủ tịch UBND huyện T giao Thanh tra huyện chủ trì phối hợp với Phòng Tư pháp huyện tham mưu xem xét, giải quyết, trả lời công dân và báo cáo Chủ tịch UBND huyện theo quy định.

- Về thẩm quyền ban hành Công văn 3491/UBND-TTr ngày 06/8/2024 của UBND huyện T:

Ban đầu ông Hoàng Đình T tố cáo hành vi hành chính của Trưởng phòng Tư pháp UBND huyện T, sau đó khi làm việc với Đoàn xác minh do Thanh tra chủ trì, ông Hoàng Đình T đã sửa lại nội dung tố cáo thành “khiếu nại và đề nghị”. Do đó, thẩm quyền giải quyết khiếu nại được quy định tại Điều 17, 18 Luật Khiếu nại 2011; khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 là Chủ tịch UBND huyện.

Như vậy, thẩm quyền giải quyết đối với khiếu nại của ông Hoàng Đình T phải là Chủ tịch UBND huyện T. Tuy nhiên, Công văn 3491/UBND-TTr ngày 06/8/2024 của UBND huyện T ban hành, người ký là Phó Chánh Văn phòng ký thừa lệnh Chủ tịch, ký thay Chánh văn phòng là vi phạm thẩm quyền ký quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại.

Do đó, có căn cứ huỷ Công văn số 3491/UBND-Ttra ngày 06/8/2024 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hoá do vi phạm thẩm quyền ký .

[2.2] Xét yêu cầu buộc UBND huyện T thực hiện cải chính thông tin hộ tịch trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 09/7/1995 từ Lê Thị T thành Lê Thị Hoài T2:

Qua nhiều lần ông Hoàng Đình T nộp hồ sơ đề nghị Phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn thực hiện Cải chính hộ tịch trong Giấy chứng nhận kết hôn từ Lê Thị T2 sang L. Phòng Tư pháp đều đã có các văn bản trả lời ông T về việc hồ sơ ông nộp không đủ điều kiện và cơ sở pháp lý để phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn tiếp nhận giải quyết thủ tục theo quy định (*Phòng Tư pháp huyện đã có các Văn bản trả lời ông Hoàng Đình T: Văn bản số 71/TP-HT ngày 05/8/2023; Văn bản số 39/TP-HT ngày 04/4/2024; Văn bản số 60/TP-HT ngày 08/5/2024*).

Về hồ sơ của ông Hoàng Đình T nộp tại UBND huyện T:

+ Hồ sơ công dân nộp thể hiện người nộp hồ sơ là ông Hoàng Đình T yêu cầu cải chính thông tin hộ tịch cho bà Lê Thị Hoài T2 trong giấy đăng ký kết hôn số 13/1995 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T. Tuy nhiên, thành phần hồ sơ không có Giấy uỷ quyền của bà Lê Thị Hoài T2 uỷ quyền cho ông Hoàng Đình T nộp hồ sơ yêu cầu. Người yêu cầu mới chỉ cung cấp được trích lục kết hôn (bản sao); 03 Bản sao giấy khai sinh của các con ghi tên bố là Hoàng Đình T, mẹ là Lê Thị Hoài T2 ; bản sao chụp các loại giấy tờ: Hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân, căn cước công dân (các loại giấy tờ này đều là bản sao chụp không có chứng thực bản sao và thời điểm đều cấp sau thời điểm đăng ký kết hôn (bản sao Trích lục kết hôn). Vì vậy, không có cơ sở để Phòng Tư pháp xem xét giải quyết theo yêu cầu. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Đình T cũng không cung cấp thêm được các tài liệu chứng gì khác so với các tài liệu nêu trên.

Mặt khác, trong thời gian qua phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn nhận được đơn đề nghị khẩn cấp của công dân Lê Thị Hoài T2 có nội dung tố cáo các đối tượng làm giả chữ ký của bà trong các văn bản uỷ quyền và bà T2 đã có đơn đề

ngợi “*không thực hiện đính chính, cải chính hộ tịch, hồ sơ thông tin cá nhân liên quan đến đời sống riêng tư của bà Lê Thị Hoài T2 và các con của bà T2 khi chưa được sự đồng ý của bà T2 bằng văn bản và có liên hệ trực tiếp yêu cầu*”. Do đó phòng Tư pháp huyện Triệu Sơn đã không tiếp nhận và giải quyết yêu cầu của ông Hoàng Đình T.

Ngày 03/3/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã có văn bản yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ đối với UBND huyện T và UBND xã T, kết quả trả lời như sau:

UBND xã T không còn lưu hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc đăng ký kết hôn của ông Hoàng Đình T, hiện tại chỉ còn lưu trữ sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/1995, trong đó:

+ Tại số thứ tự số 13 ngày 09/7/1995 có ghi chồng Hoàng Đình T, sinh tháng 10/1976; nghề nghiệp: xây dựng; nơi thường trú: N.

+ Vợ Lê Thị T2, sinh tháng 06/1976; nghề nghiệp: Giáo viên; nơi thường trú: T.

+ Mục chữ ký của vợ, chồng không có chữ ký.

Rà soát, tra cứu dữ liệu tại Công an xã T, hiện tại chỉ còn lưu sổ đăng ký quản lý nhân khẩu, hộ khẩu từ năm 2005 không thể hiện thông tin cư trú của công dân mang tên Lê Thị T sinh tháng 6/1976 và Lê Thị Hoài T2 sinh ngày 05/6/1976. Đồng thời, kiểm tra hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư: Không thể hiện thông tin cư trú của công dân Lê Thị T sinh tháng 6/1976 và công dân Lê Thị Hoài T2 sinh ngày 05/6/1976 trên địa bàn xã T.

Do thời điểm năm 1995 chưa có cán bộ chuyên trách Tư pháp mà chỉ có bộ phận Công an xã theo dõi, tổng hợp; hiện tại không xác định được người tổng hợp và ghi sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn. UBND xã T không còn lưu trữ về hồ sơ, giấy tờ của các cá nhân đến đăng ký kết hôn, trong sổ đăng ký kết hôn không thể hiện thông tin giấy tờ tùy thân, không có chữ ký của ông Hoàng Đình T và bà Lê Thị T. Vì vậy, không có cơ sở để xác định được nhân thân của bà Lê Thị T.

Do hồ sơ lưu trữ tại UBND xã T không còn và sổ đăng ký kết hôn đang lưu tại UBND xã T không thể hiện về nhân thân của bà Lê Thị T. Đồng thời, tra cứu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do công an xã T quản lý không có thông tin của công dân Lê Thị T. Vì vậy, UBND huyện T không có căn cứ, cơ sở để xác định công dân Lê Thị T2, người có tên trong sổ đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T là ai và không có căn cứ để kết luận công dân Lê Thị Hoài T2, sinh ngày 05/6/1976, quê quán xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và Lê Thị T2, sinh tháng 6/1976, quê quán xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có tên trong đăng ký kết hôn với ông Hoàng Đình T vào ngày 09/7/1995 lưu tại UBND xã T có phải là một người.

Tài liệu bà Lê Thị Hoài T2 cung cấp đều mang tên: Lê Thị Hoài T2. Lời trình bày của bà Lê Thị Hoài T2 trong hồ sơ vụ án thể hiện: “*Bằng cấp học hành,*

giấy tờ tùy thân hợp pháp của tôi đều mang tên họ như vậy. Tôi chưa từng đăng ký kết hôn với ai, hiện sống độc thân. Tôi không có nhu cầu thay đổi cải chính tên, họ của mình và cũng không có uỷ quyền cho ai đi cải chính thông tin cá nhân của tôi.....”

Như vậy, việc ông Hoàng Đình T nộp hồ sơ đề nghị cải chính thông tin hộ tịch trong Sổ cấp Giấy chứng nhận kết hôn từ Lê Thị T2 sang L khi không được bà Lê Thị Hoài T2 uỷ quyền và không có văn bản đồng ý của bà Lê Thị Hoài T2 là không đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 hướng dẫn một số điều của Luật Hộ tịch. Qua tài liệu do UBND huyện T và UBND xã T, huyện T cung cấp thì không đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch theo quy định tại khoản 2 Điều quy định Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 hướng dẫn một số điều của Luật Hộ tịch. Do đó, UBND huyện T không tiếp nhận hồ sơ và giải quyết yêu cầu của ông Hoàng Đình T là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, quy định: *“Việc cải chính hộ tịch chỉ được giải quyết sau khi xác định có sai sót khi đăng ký hộ tịch; không cải chính nội dung trên giấy tờ hộ tịch đã được cấp hợp lệ nhằm hợp thức hóa thông tin trên hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác.”*

Từ những nội dung nêu trên, Căn cứ quy định Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 hướng dẫn một số điều của Luật Hộ tịch(đã trích dẫn nêu trên); khoản 1 Điều 17 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch không có căn cứ chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện này của ông Hoàng Đình T.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Đình T về án phí sơ thẩm: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên ông Hoàng Đình T không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định. Trả lại cho ông Hoàng Đình T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0000590 ngày 14/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. UBND huyện T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét nội dung này.

[3] Với những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất của vụ án. Do vậy, không

có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Đình T, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Bộ Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xử: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hoàng Đình T.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2025/HC-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí: Ông Hoàng Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0000663 ngày 21/4/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Ông T đã thi hành xong.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà